

Họ và tên thí sinh: .....

Số báo danh:.....

Mã đề 007

**Câu 41:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về chất lượng nguồn lao động nước ta?

- A. Lực lượng lao động có trình độ cao còn ít.
- B. Trình độ lao động đang được nâng cao.
- C. Lao động đã qua đào tạo chiếm tỉ lệ cao.
- D. Công nhân kỹ thuật lành nghề còn thiếu nhiều.

**Câu 42:** Các nước Đông Nam Á chưa phát huy được hết lợi thế của biển để đánh bắt hải sản chủ yếu do

- A. các cơn bão nhiệt đới gây nhiều thiệt hại.
- B. môi trường biển một số vùng bị ô nhiễm.
- C. công nghệ chế biến tại chỗ còn thô sơ.
- D. phương tiện đánh bắt còn lạc hậu.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp Hải Phòng **không** có ngành công nghiệp nào sau đây?

- A. Điện tử.
- B. Cơ khí.
- C. Đóng tàu.
- D. Hóa chất.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 20, cho biết hai tỉnh có sản lượng thủy sản khai thác cao nhất nước ta?

- A. An Giang, Đồng Tháp.
- B. Kiên Giang, An Giang.
- C. Bà Rịa – Vũng Tàu, Cà Mau.
- D. Kiên Giang, Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22 kết hợp với trang 10, cho biết nhà máy thủy điện Hòa Bình nằm trên sông nào dưới đây?

- A. Sông Đà.
- B. Sông Mã.
- C. Sông Lô.
- D. Sông Hồng.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào trong các đô thị sau có quy mô dân số trên 1 triệu người ở nước ta?

- A. Hà Nội, Hải Phòng, TP.Hồ Chí Minh.
- B. Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh, Cần Thơ.
- C. Hải Phòng, Đà Nẵng, TP.Hồ Chí Minh.
- D. Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 11, cho biết đất phèn tập trung nhiều nhất ở vùng nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đông Nam Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây có diện tích lưu vực lớn nhất ở phần lãnh thổ phía Nam của nước ta?

- A. Sông Mê Công.
- B. Sông Đồng Nai.
- C. Sông Thu Bồn.
- D. Sông Hồng.

**Câu 49:** Đảo lớn nhất trong khu vực Đông Nam Á là

- A. Xumatra
- B. Calimanta.
- C. Mindanao.
- D. Giava.

**Câu 50:** Cấu trúc địa hình nước ta chạy theo hai hướng chính là

- A. hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung.
- B. hướng vòng cung và đông nam - tây bắc.
- C. hướng vòng cung và hướng đông bắc - tây nam.
- D. hướng tây nam - đông bắc và hướng vòng cung.

**Câu 51:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 30, cho biết tỉnh duy nhất thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc?

- A. Quảng Ninh.
- B. Vĩnh Phúc.
- C. Phú Thọ.
- D. Bắc Ninh.

**Câu 52:** Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu cho phần lãnh thổ phía Bắc nước ta là

- A. đới rừng nhiệt đới gió mùa.
- B. rừng nhiệt đới lá rộng thường xanh.



nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm?

- A. Các ngành chế biến chính tương đối đa dạng.
- B. Tập trung dày đặc nhất ở ven biển miền Trung.
- C. Tỉ trọng rất nhỏ trong toàn ngành công nghiệp.
- D. Quy mô giá trị sản xuất các trung tâm đều lớn.

**Câu 65:** Đặc điểm chủ yếu nhất của nền nông nghiệp Nhật Bản?

- A. Khai thác triệt để đất trồng ở vùng sườn núi dốc.
- B. Trình độ cơ giới hóa và tự động hóa rất cao.
- C. Kỹ thuật thâm canh tiên tiến, năng suất cao.
- D. Chú trọng áp dụng quy trình canh tác hiện đại.

**Câu 66:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với chế độ nhiệt của nước ta?

- A. Biên độ nhiệt có xu hướng giảm dần từ Bắc vào Nam.
- B. Nhiệt độ trung bình năm có xu hướng tăng dần từ Bắc vào Nam.
- C. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao nhất ở vùng ven biển Trung Bộ.
- D. Biến trình nhiệt của Nam Bộ có dạng hai cực đại và hai cực tiểu.

**Câu 67:** Ở nước ta, thủy sản nuôi trồng đã vươn lên và vượt thủy sản khai thác cả về sản lượng và giá trị, nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu?

- A. Hiệu quả kinh tế cao và tính chủ động trong sản xuất hàng hóa.
- B. Những điều kiện để phát triển nuôi trồng đang có nhiều thuận lợi.
- C. Chủ trương hạn chế khai thác để bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- D. Nuôi trồng tránh được những tác động tiêu cực của tự nhiên.

**Câu 68:** Biểu hiện của việc chuyên dịch cơ cấu ngành kinh tế nước ta là

- A. phát triển nhiều khu công nghiệp tập trung.
- B. tăng tỉ trọng của công nghiệp và xây dựng.
- C. các vùng sản xuất chuyên canh được mở rộng.
- D. các vùng kinh tế trọng điểm được hình thành.

**Câu 69:** Trung Quốc phát triển những ngành công nghiệp vật liệu xây dựng, đồ gốm, sứ, dệt may ở địa bàn nông thôn là do

- A. tận dụng nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú.
- B. nguồn lao động có trình độ cao và thị trường tiêu thụ.
- C. phát huy thế mạnh nguồn lao động đông, dồi dào.
- D. lực lượng lao động dồi dào và nguyên vật liệu sẵn có.

**Câu 70:** Việc phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên đã đem lại ý nghĩa quan trọng nào sau đây về mặt kinh tế?

- A. Thu hút lao động, tạo ra tập quán sản xuất mới cho đồng bào dân tộc.
- B. Góp phần bảo vệ tài nguyên rừng, đảm bảo sự an toàn cân bằng sinh thái.
- C. Góp phần điều chỉnh sự phân bố dân cư và lao động trên địa bàn cả nước.
- D. Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất các loại nông sản.

**Câu 71:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp điện lực của nước ta hiện nay?

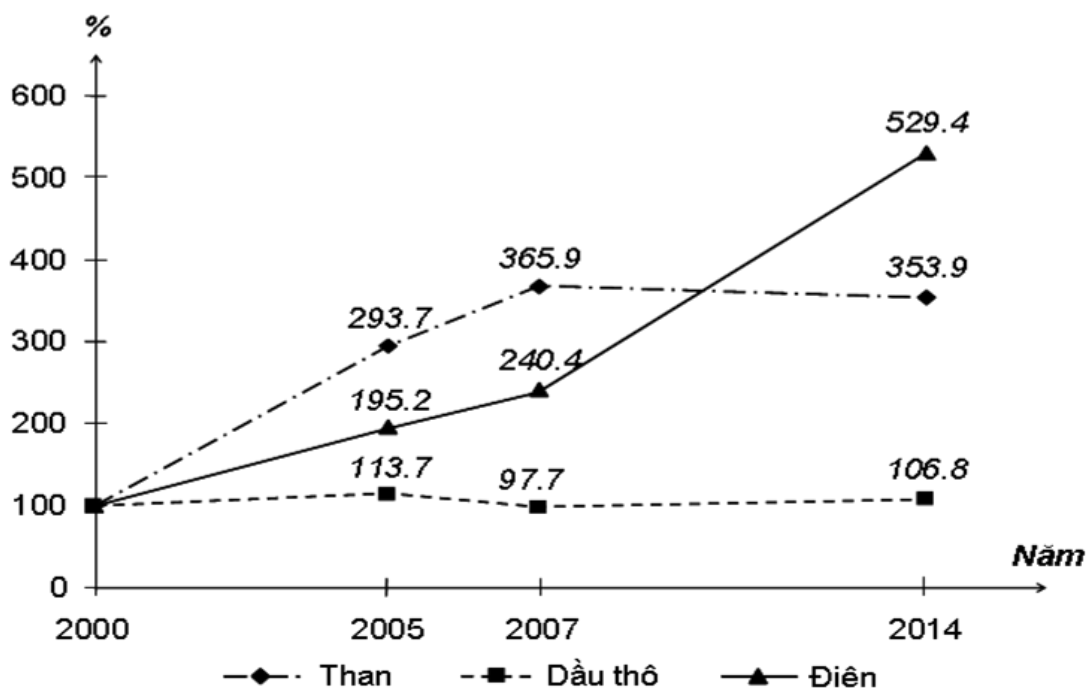
- A. Nước ta có nhiều tiềm năng để phát triển công nghiệp điện.
- B. Trong cơ cấu sản lượng điện, nhiệt điện chiếm tỉ trọng lớn nhất.
- C. Hàng loạt nhà máy điện có công suất lớn đang hoạt động.
- D. Nhiên liệu cho sản xuất điện ở miền Trung là khí tự nhiên.

**Câu 72:** Đặc trưng quan trọng nhất của việc phát triển nền nông nghiệp hàng hoá ở nước ta hiện nay là

- A. tạo ra nhiều sản phẩm có giá trị rất cao.
- B. phân bố ở những nơi có nhiều thuận lợi nhất.
- C. quan tâm nhiều hơn đến thị trường tiêu thụ.
- D. tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt.

**Câu 73:** Cho biểu đồ:

**Tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta  
giai đoạn 2000 - 2014**



Căn cứ vào biểu đồ đã cho, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về tốc độ tăng trưởng một số sản phẩm công nghiệp ở nước ta giai đoạn 2000 - 2014 ?

- A. Than tăng 353,9% và tăng nhanh nhất từ 2000 đến 2007.
- B. Điện tăng 429,4% và tăng nhanh nhất từ 2007 đến 2014.
- C. Dầu thô tăng 6,8% và tăng trưởng không ổn định.
- D. Dầu thô luôn có tốc độ tăng trưởng chậm nhất.

**Câu 74:** Nguồn lợi thủy sản ở nhiều nơi trong vùng Bắc Trung Bộ có nguy cơ giảm rõ rệt chủ yếu do

- A. vùng biển thường xuyên xảy ra thiên tai.
- B. môi trường ven biển đang bị ô nhiễm.
- C. tàu thuyền công suất nhỏ, đánh bắt ven bờ là chính.
- D. không có các bãi cá, bãi tôm quy mô lớn.

**Câu 75:** Cho bảng số liệu:

**TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA,  
NĂM 2010 VÀ 2015**

*(Đơn vị: tỷ đô la Mỹ)*

Năm	Phi-lip-pin	Xin-ga-po	Thái Lan	Việt Nam
2010	199,6	236,4	340,9	116,3
2015	292,5	292,8	395,2	193,4

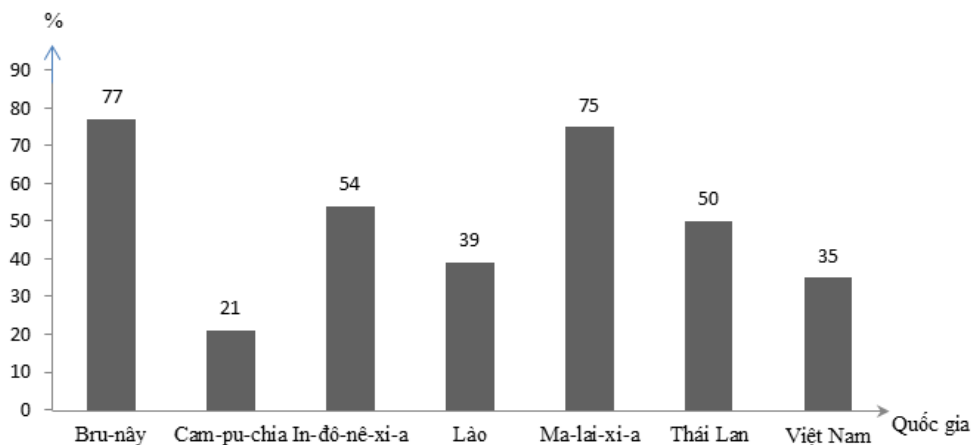
Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước của một số quốc gia năm 2015 so với 2010?

- A. Phi-lip-pin tăng chậm nhất.
- B. Thái Lan tăng nhiều nhất.
- C. Việt Nam tăng nhanh nhất
- D. Xin-ga-po tăng ít nhất.

**Câu 76:** Vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta là

- A. Tây Nguyên.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

**Câu 77:** Cho biểu đồ về đô thị hóa của một số quốc gia thuộc khu vực Đông Nam Á năm 2015:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Dân số thành thị trong tổng số dân của một số quốc gia.
- B. Tỷ lệ dân số thành thị trong tổng số dân của một số quốc gia.
- C. Cơ cấu dân số trong tổng số dân của một số quốc gia.
- D. Tốc độ tăng dân số thành thị của một số quốc gia.

**Câu 78:** Biện pháp quan trọng nhất để tránh mất nước của các hồ chứa ở Đông Nam Bộ là

- A. bảo vệ vốn rừng trên thượng lưu của các sông.
- B. bảo vệ nghiêm ngặt các khu dự trữ sinh quyển.
- C. xây dựng và mở rộng các vườn quốc gia.
- D. phục hồi và phát triển nhanh rừng ngập mặn.

**Câu 79:** Cho bảng số liệu:

**DÂN SỐ TRUNG BÌNH PHÂN THEO GIỚI TÍNH CỦA NƯỚC TA  
GIAI ĐOẠN 1990 - 2014**

(Đơn vị: nghìn người)

Năm	1990	1995	2000	2005	2010	2014
Tổng số	66017	71995	77631	82392	86947	90729
Nam	32203	35237	38165	40522	42993	44758
Nữ	33814	36758	39466	41870	43954	45971

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê 2016)

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số trung bình phân theo giới tính của nước ta giai đoạn 1990 - 2014, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Đường.
- C. Miền.
- D. Cột.

**Câu 80:** Cho bảng số liệu:

**SỐ KHÁCH VÀ DOANH THU TỪ DU LỊCH CỦA NƯỚC TA**

Năm	2000	2005	2010	2014
Khách nội địa (triệu lượt người)	11,2	16,0	63,3	99,2
Khách quốc tế (triệu lượt người)	2,1	3,5	5,0	8,0
Doanh thu (tỉ USD)	17,4	30,0	44,4	66,8

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tình hình phát triển ngành du lịch nước ta?

- A. Số lượng khách nội địa ít hơn khách quốc tế.
- B. Khách nội địa tăng nhanh hơn khách quốc tế.
- C. Khách quốc tế tăng rất nhanh và chiếm tỉ trọng thấp.
- D. Doanh thu du lịch thấp và ngày càng giảm.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành trong khi làm bài thi.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.